Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 10.11.2026 15:56:40 +07:00

Ký bởi: BỘ NGOẠI GIAO
Email: ttll.mfa@mofa.gov.vn
Ngày ký: 10-11-2026 14:15:30 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 02/2026/VBHN-NĐ-BNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

Nghị định số 366/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; [1]

---

[1] Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14 và Luật số 08/2026/QH16;

Căn cứ Nghị quyết 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024"

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[2]

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài gồm:

1. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí hoạt động chuyên môn đặc thù trong lĩnh vực thương mại (sau đây gọi chung là kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại) tại cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan đại diện).

2. Quản lý các dự án đầu tư tại cơ quan đại diện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14 và Luật số 08/2026/QH16 sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp đặc biệt bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các cơ quan đại diện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Điều 3. Kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại tại cơ quan đại diện

Kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện được bố trí trong dự toán của Bộ Công Thương.

---

[2] Điều này được sửa đổi bởi Điều 1 Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/9/2026.

Điều 4. Lập dự toán, phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại tại cơ quan đại diện

1. Lập dự toán

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Bộ Công Thương căn cứ chế độ chi tiêu hiện hành và hướng dẫn lập dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, kế hoạch, nhiệm vụ cần triển khai trong lĩnh vực thương mại tại các cơ quan đại diện năm kế hoạch để lập dự toán kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại, tổng hợp vào dự toán ngân sách của Bộ Công Thương, gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định và giao trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Phân bổ và giao dự toán

Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách, Bộ Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại tại các cơ quan đại diện theo từng địa bàn cụ thể, báo cáo Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định.

3. Quản lý, sử dụng và quyết toán

Bộ Công Thương, bộ phận cán bộ biệt phái của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và tổng hợp quyết toán kinh phí được giao theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Công Thương và bộ phận cán bộ biệt phái của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo bộ phận cán bộ biệt phái của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định, tập hợp đầy đủ chứng từ chi tiêu, hạch toán kế toán, gửi báo cáo về Bộ Công Thương để quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Kiểm soát chi, xét duyệt quyết toán chứng từ của bộ phận cán bộ biệt phái của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện theo quy định.

2. Bộ phận cán bộ biệt phái của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện có trách nhiệm:

a) Mở tài khoản của bộ phận cán bộ biệt phái của Bộ Công Thương tại ngân hàng thương mại có uy tín tại nước sở tại để hạch toán các khoản thu (nếu có), tiếp nhận nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp để chi tiêu.

b) Quản lý kinh phí, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của chủ tài khoản và các nhiệm vụ khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo chế độ quy định.

Chương III[3]

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MUA SẮM, SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ; CHI THUÊ, MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ; SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÁC NHIỆM VỤ CẦN THIẾT KHÁC TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN SAU KHI CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6.[4] Nguyên tắc quản lý

1. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và quyết toán vốn đầu tư dự án của cơ quan đại diện từ nguồn vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Việc chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán và công khai dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện gồm trụ sở, nhà ở cán bộ, nhân viên của cơ quan đại diện, nhà riêng của người đứng đầu cơ quan đại diện, công trình khác của cơ quan đại diện là dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

3. Những nội dung quản lý, triển khai dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện không được quy định tại Nghị định này được thực hiện theo các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Công an để bảo đảm an ninh, an toàn cho cơ quan đại diện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước có liên quan.

5. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng các Bộ có cơ quan ở nước ngoài được quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục chuẩn bị, thực hiện và kết thúc dự án đầu tư xây dựng của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng các Bộ có cơ quan ở nước ngoài

---

[3] Tên Chương này được sửa đổi bởi Điều 2 Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/09/2026.
[4] Điều này được sửa đổi bởi Điều 3 Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/9/2026.

có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua bất động sản tại nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo trình tự, thủ tục khẩn cấp khi phát sinh nhu cầu ngoài danh mục đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

7. Việc thực hiện dự án đầu tư, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê dịch vụ và các nhiệm vụ cần thiết khác; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phải căn cứ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị; tiêu chuẩn, định mức về diện tích trụ sở, nhà ở phục vụ hoạt động của cơ quan đại diện theo quy định pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan và nằm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao.

8. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế và chịu trách nhiệm giải trình.

9. Đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước: trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này áp dụng đối với nhiệm vụ có dự toán tối đa được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

10. Xác định tỷ giá đối với các gói thầu sử dụng từ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước:

a) Tỷ giá giữa đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại để xác định hạn mức gói thầu là tỷ giá bán đô-la Mỹ ngày làm việc cuối cùng năm liền trước của ngân hàng nơi cơ quan đại diện mở tài khoản niêm yết;

b) Tỷ giá giữa đồng đô-la Mỹ và đồng Việt Nam để xác định dự toán tối đa quy định tại khoản 9 điều này là tỷ giá lập dự toán theo quy định.

11. Xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng bước thiết kế cơ sở được xác định theo quy định của nước sở tại; trường hợp không có đầy đủ cơ sở xác định chi phí theo quy định của nước sở tại thì được xác định trên cơ sở một hoặc kết hợp các căn cứ sau: báo giá của nhà thầu địa phương (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá) hoặc chứng thư thẩm định giá, suất vốn đầu tư, dữ liệu chi phí của công trình tương tự đã thực hiện tại nước sở tại có tính đến yếu tố trượt giá. Báo giá được sử dụng để xác định chi phí cho toàn bộ công trình hoặc cho từng hạng mục, phần việc cụ thể phù hợp với phạm vi cung cấp của báo giá. Các chi phí

để đáp ứng các yêu cầu pháp lý, kỹ thuật và thủ tục của nước sở tại được tính vào tổng mức đầu tư xây dựng của dự án;

b) Dự toán xây dựng công trình bước thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được xác định theo quy định của nước sở tại; trường hợp không có đầy đủ cơ sở xác định theo quy định của nước sở tại thì được xác định trên cơ sở báo giá của nhà thầu địa phương (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá) hoặc chứng thư thẩm định giá. Báo giá chỉ được sử dụng để xác định chi phí của hạng mục, phần việc, công tác xây dựng, thiết bị hoặc dịch vụ tương ứng với nội dung của báo giá;

c) Tỷ lệ dự phòng phí được tính gồm dự phòng cho phát sinh khối lượng, dự phòng cho yếu tố trượt giá:

Tỷ lệ dự phòng cho yếu tố phát sinh về khối lượng được xác định tối đa là 10%.

Tỷ lệ dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định tối thiểu là 5% hoặc theo tỷ lệ lạm phát tại mỗi địa bàn.

d) Việc lập dự toán được thực hiện theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ phù hợp với khối lượng công việc thực hiện theo từng địa bàn cụ thể nơi thực hiện dự án, trong đó bao gồm các chi phí đặc thù khi triển khai nhiệm vụ liên quan đến yếu tố nước ngoài (chi phí đi lại, lưu trú quốc tế, dịch thuật chuyên ngành, thuê chuyên gia bản địa hỗ trợ).

12. Áp dụng tỷ giá quy đổi giữa đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại với đồng Việt Nam trong theo dõi, đối chiếu, hạch toán kế toán đối với vốn đầu tư công:

a) Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước đầu năm: Áp dụng tỷ giá theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 129/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại;

b) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước trong năm (nếu có): Áp dụng theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Bộ Tài chính thông báo tại thời điểm giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm;

c) Kết thúc năm ngân sách, trường hợp số giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm quy đổi sang đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại thấp hơn so với số vốn thực tế đã giải ngân trong năm bằng đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại, cơ quan đại diện thực hiện điều chỉnh trên báo cáo tài chính năm số giao kế hoạch vốn năm bằng tiền đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại theo số vốn thực tế đã giải ngân của năm;

d) Lấy tỷ giá quy đổi giữa đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại với đồng

tiền Việt Nam tại Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự toán gói thầu làm căn cứ theo dõi, đối chiếu, điều chỉnh, bổ sung dự toán tiền Việt Nam còn thiếu (nếu có) và phục vụ quyết toán vốn đầu tư gói thầu, dự án.

13. Về mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng và bảo đảm thực hiện hợp đồng:

a) Thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình và quy định cụ thể trong hợp đồng;

b) Trường hợp pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình không có quy định cụ thể, áp dụng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về xây dựng;

c) Trường hợp đặc thù không thuộc điểm a và điểm b nêu trên, chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện về quyết định của mình trước người quyết định đầu tư và các cơ quan có liên quan về nội dung này;

d) Trường hợp nhà thầu Việt Nam tham gia thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với các nội dung này.

14. Về bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình và quy định cụ thể trong hợp đồng. Trường hợp pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình không có quy định cụ thể, thực hiện theo quy định như sau:

a) Đối với hợp đồng tư vấn, phi tư vấn

Hợp đồng có giá trị tương đương không quá 300.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 40.000 đô-la Mỹ, bắt buộc phải có bảo lãnh tạm ứng.

Hợp đồng có giá trị tương đương trên 300.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 80.000 đô-la Mỹ, bắt buộc có bảo lãnh tạm ứng.

b) Đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp, sản phẩm công trình

Hợp đồng có giá trị tương đương không quá 2.000.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 120.000 đô-la Mỹ, bắt buộc có bảo lãnh tạm ứng.

Hợp đồng có giá trị tương đương trên 2.000.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 200.000 đô-la Mỹ, bắt buộc có bảo lãnh tạm ứng.

c) Trước khi bên giao thầu thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho bên nhận thầu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, bên nhận thầu phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị và loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng hợp đồng;

d) Trường hợp đặc thù không thuộc điểm a và điểm b nêu trên, chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện về quyết định của mình trước người quyết định đầu tư và các cơ quan có liên quan về nội dung này;

đ) Trường hợp nhà thầu Việt Nam tham gia thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với các nội dung này.

15. Đối với các gói thầu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ để tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Điều 7. Trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn khi lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện

Đối với các dự án nhóm A, trong quá trình lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng không cần lập phương án thiết kế sơ bộ về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp.

Điều 8.[5] Công tác thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư xây dựng

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực thẩm tra thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng các nội dung sau:

a) Kiểm tra sự phù hợp của thiết kế với quy hoạch, tiêu chuẩn xây dựng tại nước sở tại và mục tiêu đầu tư đã được phê duyệt;

b) Thẩm tra sự phù hợp khối lượng so với hồ sơ thiết kế;

c) Thẩm tra sự phù hợp của giá trị dự toán, tổng mức đầu tư.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ của hồ sơ và sự phù hợp về chi phí tổng thể so với mặt bằng giá tại địa bàn của báo cáo kết quả thẩm tra.

3. Trên cơ sở kết quả thẩm tra và báo cáo của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn của bộ chủ quản thực hiện công tác thẩm định như sau:

a) Thẩm định sự phù hợp với chủ trương, mục tiêu, quy mô đầu tư, diện tích và tiêu chuẩn định mức nhà đất theo quy định đối với cơ quan đại diện;

b) Thẩm định sự phù hợp với tổng mức đầu tư được duyệt;

---

[5] Điều này được sửa đổi bởi Điều 4 Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/9/2026.

c) Xin ý kiến phối hợp của Bộ Xây dựng khi thực hiện thẩm định đối với dự án nhóm A;

d) Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn của bộ chủ quản, chủ đầu tư xin ý kiến của cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền sở tại về sự phù hợp với quy định pháp luật sở tại làm căn cứ cho công tác thẩm định, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Điều 9.[6] Về trình tự, thủ tục thực hiện việc lựa chọn nhà thầu ngoài lãnh thổ Việt Nam

1. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn có giá trị tương đương không quá 500.000 đô-la Mỹ; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, sản phẩm công trình và gói thầu theo hình thức hợp đồng hỗn hợp gồm thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP), thiết kế và xây lắp (EC), thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC) có giá trị tương đương không quá 800.000 đô-la Mỹ sử dụng nguồn vốn đầu tư công, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu có khả năng thực hiện và có báo giá phù hợp với gói thầu.

Bước 2: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

2. Đối với gói thầu tư vấn, phi tư vấn có giá trị tương đương trên 500.000 đô-la Mỹ; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, sản phẩm công trình và gói thầu theo hình thức hợp đồng hỗn hợp EP, EC, EPC có giá trị tương đương trên 800.000 đô-la Mỹ sử dụng nguồn vốn đầu tư công thì việc lựa chọn một nhà thầu thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu để phát hành hồ sơ yêu cầu.

Bước 2: Chủ đầu tư lập hoặc thuê tư vấn lập hồ sơ yêu cầu bao gồm các thông tin: (i) Chỉ dẫn nhà thầu về việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; (ii) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gồm đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm phù hợp với quy định của sở tại; đánh giá giải pháp thực hiện gói thầu; tiêu chuẩn đánh giá về tài chính; (iii) Một số biểu mẫu cần thiết; (iv) Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật; (v) Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng.

---

[6] Điều này được sửa đổi bởi Điều 5 Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/9/2026.

Khi tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất: sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật.

Bước 3: Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ yêu cầu và gửi cho nhà thầu. Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất.

Bước 4: Chủ đầu tư đánh giá hoặc thuê tư vấn đánh giá hồ sơ đề xuất, tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu đến thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo hồ sơ yêu cầu.

Bước 5: Chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: Có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

3. Đối với gói thầu mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ và nhiệm vụ cần thiết khác sử dụng nguồn chi thường xuyên

a) Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá tương đương không quá 5.000 đô-la Mỹ: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quyết định mua sắm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật;

b) Đối với gói thầu có giá tương đương từ trên 5.000 đô-la Mỹ đến không quá 20.000 đô-la Mỹ, căn cứ một trong các tài liệu sau: báo giá, thông báo công khai trên trang mạng hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của sở tại (sau đây gọi là báo giá) của ít nhất 01 nhà cung cấp (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá), chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quyết định mua sắm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không bắt buộc ký hợp đồng hoặc văn bản có tính pháp lý tương đương theo quy định của sở tại (sau đây gọi tắt là hợp đồng) nhưng phải bảo đảm chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật;

c) Đối với gói thầu có giá tương đương từ trên 20.000 đô-la Mỹ, căn cứ báo giá của ít nhất 01 nhà cung cấp (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá), chủ đầu tư thực hiện lựa chọn nhà thầu theo trình tự sau:

Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư lựa chọn thực hiện gói thầu.

Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu tiến hành ký kết hợp đồng.

Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng.

d) Đối với gói thầu mua xe ô tô: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định về chủng loại, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

đ) Đối với gói thầu thuê mới hoặc đổi nhà thuê trụ sở làm việc, nhà ở, nhà riêng của người đứng đầu cơ quan đại diện: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

4. Đối với gói thầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện khảo sát hoặc thuê tư vấn khảo sát để xác định mục tiêu, phạm vi, nội dung công việc và dự toán làm cơ sở xác định hạn mức của gói thầu, xin ý kiến bằng văn bản của đơn vị chuyên môn do cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ (trong trường hợp cần thiết) trước khi thực hiện.

a) Đối với gói thầu có giá tương đương không quá 500.000 đô-la Mỹ, chủ đầu tư thực hiện theo trình tự sau:

Chủ đầu tư gửi thông tin tóm tắt về gói thầu (bao gồm mục tiêu, phạm vi công việc) cho ít nhất 01 nhà thầu dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu để thu thập báo giá (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá).

Nhà thầu gửi báo giá cho chủ đầu tư. Báo giá phải có đủ thông tin để chứng minh về khả năng thực hiện gói thầu, tiến độ, khối lượng công việc, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư lựa chọn thực hiện gói thầu.

Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng.

b) Đối với gói thầu có giá tương đương từ trên 500.000 đô-la Mỹ đến tối đa theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Nghị định này, chủ đầu tư thực hiện theo quy trình sau:

Chủ đầu tư lập hoặc thuê tư vấn lập hồ sơ yêu cầu. Hồ sơ yêu cầu bao gồm các thông tin: Chỉ dẫn nhà thầu về việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gồm đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất, tiêu chuẩn đánh giá về khả năng thực hiện gói thầu theo quy định của sở tại, yêu cầu

về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật, dự thảo hợp đồng. Khi tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất: sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về khả năng thực hiện gói thầu.

Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ yêu cầu và gửi cho nhà thầu được chủ đầu tư đánh giá có khả năng thực hiện gói thầu.

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

Chủ đầu tư đánh giá hoặc thuê tư vấn đánh giá hồ sơ đề xuất. Việc đánh giá hồ sơ đề xuất phải được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư có thể mời nhà thầu đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu của nhà thầu.

Nhà thầu được lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng.

5. Đối với các gói thầu mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại cơ quan đại diện sử dụng từ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán kinh phí và tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan khác.

Điều 10. Việc lựa chọn nhà thầu trong dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng của cơ quan đại diện

Việc lựa chọn nhà thầu trong dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng của cơ quan đại diện được thực hiện như quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

Điều 11. Tổ chức công tác nghiệm thu công trình

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình, công tác nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng tại cơ quan đại diện. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ quy mô, kỹ thuật của từng dự án, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT BỔ NHIỆM ĐẠI SỨ ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN

Điều 12. Trường hợp đặc biệt bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền

Trong trường hợp quá độ tuổi bổ nhiệm thông thường, người được tiến cử Đại sứ đặc mệnh toàn quyền được xem xét bổ nhiệm căn cứ yêu cầu đối ngoại, địa bàn công tác, năng lực, uy tín cá nhân theo quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Nguyên tắc bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền trong trường hợp đặc biệt

1. Việc bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền trong trường hợp đặc biệt phải bảo đảm chặt chẽ, khách quan, công bằng, công khai và đúng quy định.

2. Khi được bổ nhiệm, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền thực hiện đầy đủ nhiệm kỳ công tác theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 14. Điều kiện về năng lực, uy tín cá nhân

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền được bổ nhiệm trong trường hợp đặc biệt nếu đáp ứng các tiêu chí về năng lực, uy tín sau đây:

1. Có kiến thức, hiểu biết sâu rộng về quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

2. Có uy tín, kinh nghiệm và năng lực vượt trội trong lĩnh vực đối ngoại.

Điều 15. Điều kiện về yêu cầu đối ngoại

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền được bổ nhiệm trong trường hợp đặc biệt nhằm thực hiện một trong các yêu cầu đối ngoại sau đây:

1. Thúc đẩy một hoặc một số lĩnh vực hợp tác đặc biệt quan trọng về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế trong quan hệ giữa Việt Nam với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

2. Xử lý một hoặc một số vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc đến lợi ích của Việt Nam trong quan hệ giữa Việt Nam với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

Điều 16. Điều kiện về địa bàn công tác

Địa bàn công tác trong trường hợp đặc biệt bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền bao gồm một trong các địa bàn sau đây:

1. Quốc gia láng giềng hoặc thuộc khu vực Đông Nam Á.

2. Quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, Liên hợp quốc hoặc địa bàn có tầm quan trọng trong quan hệ với Việt Nam, phù hợp với yêu cầu đối ngoại trong từng thời kỳ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN[7]

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Việc lập dự toán kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại tại cơ quan đại diện trong dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương áp dụng từ năm ngân sách 2019.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (để báo cáo);
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Vụ TTBC (để đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao);
- Lưu: VT, QTTV.

BỘ NGOẠI GIAO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Minh Vũ

---

[7] Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 366/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/9/2026 quy định như sau :

"***Điều 14. Hiệu lực thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2026.

2. Quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 6 của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 của Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

3. Các chế độ quy định tại Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đối với thành viên và vợ, chồng, con đi theo thành viên cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

4. Thành viên và vợ, chồng, con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục hưởng các chế độ tại Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. Việc áp dụng các chế độ tại Nghị định này đối với thành viên và vợ, chồng, con đi theo thành viên cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."